

BẢO ĐẢM PHÁP LÝ QUYỀN CON NGƯỜI TRONG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

• Nguyễn Quang Thành^(*)

Tóm tắt

Bài viết tập trung phân tích một số vấn đề có liên quan đến quyền con người, bảo đảm pháp lý quyền con người cũng như xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa tại Việt Nam. Trên cơ sở đó, chỉ ra được mối liên hệ trong việc xây dựng nhà nước pháp quyền và đảm bảo pháp lý cho việc thực hiện quyền con người, đồng thời đề xuất một số kiến nghị.

Từ khóa: Quyền con người, nhà nước pháp quyền, đảm bảo pháp lý.

1. Đặt vấn đề

Sau hơn 40 năm trở thành thành viên chính thức của Liên Hiệp quốc cùng với việc ký kết tham gia và thực hiện các công ước quốc tế về quyền con người, Việt Nam đã giành được nhiều thành tựu đáng kể trong vấn đề bảo vệ, thúc đẩy và phát triển quyền con người trên nhiều lĩnh vực. Tuy nhiên, mặc dù vậy, những khiếm khuyết trong quá trình vận dụng pháp luật để quản lý nhà nước và xã hội gây ảnh hưởng đến nhân quyền là không thể không có. Những năm qua, tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội diễn biến khá phức tạp với nhiều vụ án hình sự gây xôn xao dư luận, cùng với đó là những yếu kém trong quá trình hoạt động của một số cơ quan nhà nước gây ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống và quyền lợi của nhân dân được đưa ra trước ánh sáng. Do vậy, với mục tiêu xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, nước ta cần phải tiếp tục xây dựng và thi hành nhiều chính sách, pháp luật thiết thực để đảm bảo pháp lý cho việc thực hiện quyền con người.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái lược về quyền con người - giá trị chung của nhân loại

Quyền con người hay nhân quyền được cho là kết quả của quá trình đấu tranh gian khổ, lâu dài trong lịch sử vì sự tự do, lẽ công bằng và tiến bộ. Đồng thời, ý thức về quyền và thực hiện quyền con người đã gắn liền với lịch sử phát triển của xã hội loài người và giải phóng con người qua các hình thái kinh tế - xã hội và các giai đoạn đấu tranh giai cấp. Trong thông điệp nhân ngày Quyền con người thế giới năm 1977, Kofi Annan từng phát

biểu: “Quyền con người là giá trị chung của mọi nền văn hóa, là người bạn của mọi quốc gia”. Tuy nhiên, quyền con người là một vấn đề mang tính phức tạp ngay từ cách đưa ra định nghĩa về nội hàm của nó. Bởi lẽ, không chỉ tồn tại dưới hình thức một thuật ngữ trong khoa học pháp lý mà nó còn được nghiên cứu rộng rãi trong nhiều lĩnh vực khác như: chính trị học, triết học, văn hóa học, xã hội học... dưới những mức độ khác nhau. Chính vì thế, có rất nhiều khái niệm về quyền con người là một điều không khó hiểu.

Ở bình diện quốc tế, khái niệm “quyền con người” thường được các học giả, nhà nghiên cứu xây dựng dựa trên định nghĩa của Văn phòng Cao ủy Liên Hiệp quốc về quyền con người (OHCHR), theo đó “quyền con người là những đảm bảo pháp lý toàn cầu có tác dụng bảo vệ các cá nhân và các nhóm chống lại những hành động hoặc sự bỏ mặc làm tổn hại đến nhân phẩm, những sự được phép và tự do cơ bản của con người” [11, tr. 10]. Ngoài ra, trong quyển “A Basic Handbook for UN Staff” của OHCHR cũng đưa ra một khái niệm khác về quyền con người. Theo khái niệm này thì quyền con người được hiểu chung là những quyền thuộc về con người. Khái niệm quyền con người thể hiện ở việc mọi cá nhân con người đều có quyền hưởng những quyền của mình mà không có sự phân biệt về chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, quan điểm chính trị, dân tộc hoặc nguồn gốc xã hội, tài sản, sự sinh ra hoặc những quy chế khác [10, tr. 2].

Ở Việt Nam, khái niệm “quyền con người” cũng đã được nhiều chuyên gia, cơ quan nghiên cứu nhằm đặt nền tảng bước đầu trong việc tìm hiểu về vấn đề này. Theo Nguyễn Đăng Dung và nhóm tác giả, quyền con người là những nhu cầu, lợi ích tự

^(*) Trường Chính trị Đồng Tháp.

nhiên, vốn có của con người được ghi nhận và bảo vệ trong pháp luật quốc gia và các thỏa thuận pháp lý quốc tế [2, tr. 45-46]. Ngoài ra, tác giả Hoàng Thị Kim Quế có sự lý giải về bản chất của quyền con người khi cho rằng đó là những đặc quyền mà do tự nhiên, tạo hóa sinh ra cho con người, là khả năng hoạt động một cách có ý thức, từ chối hoặc yêu cầu, giành lấy những gì đó, nhất là nhu cầu tự bảo vệ [16, tr. 19].

Từ những lý giải trên cho thấy mặc dù được thể hiện dưới những hình thức câu chữ khác nhau nhưng tựu trung lại, quyền con người là những giá trị cơ bản, bẩm sinh và vốn có thuộc về mỗi người, dù họ mang hay không mang quốc tịch, thuộc về chủng tộc, màu da, giới tính hay ngôn ngữ nào. Đây được xem là chuẩn mực chung được đại đa số cộng đồng thế giới thừa nhận để bảo vệ nhân phẩm, tạo điều kiện và môi trường phát triển thuận lợi cho mỗi cá nhân được pháp luật quốc gia cũng như quốc tế ghi nhận và bảo đảm.

Mặc dù Luật quốc tế về quyền con người bao gồm các văn kiện ràng buộc về mặt pháp lý và các tuyên bố chính trị chỉ mới xuất hiện vào thế kỷ XX nhưng những tư tưởng, mầm mống hình thành nên quyền con người đã nhen nhóm ngay từ thời kỳ cổ đại. Điều này được thể hiện thông qua quan điểm của các nhà triết học phương Tây như: Protagoras cho rằng Thượng đế tạo ra mọi người đều là người tự do, không ai tự nhiên biến thành nô lệ, Socrate chủ trương con người, hãy nhận thức chính mình, khẳng định vai trò của cá nhân và sự giải phóng cá nhân. Trong khi đó, học thuyết chính trị Nho giáo cũng đề cao vai trò của con người, đặc biệt chú trọng đến tính tập thể, cố kết của cộng đồng người trong xã hội. Khổng Tử cho rằng: “Thiên ý dân tâm”, Mạnh Tử từng nêu: “Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh” hay Tuân Tử khẳng định mối quan hệ giữa thiên tử và thần dân của đất nước mình thông qua hình ảnh: “Vua với dân như nước với thuyền, nước chở thuyền nhưng nước cũng làm đắm thuyền”. Bên cạnh các quan điểm của các nhà hiền triết, giai đoạn này cũng đã bắt đầu xuất hiện các văn bản pháp lý đầu tiên trong lịch sử nhân loại. Đặc biệt, tuy chỉ là những bộ luật sơ khai nhưng đã có những ghi nhận đáng kể liên quan đến con người và quyền con người trong thời kỳ này. Chẳng hạn, Bộ luật Hammurabi có thể xem là văn bản đề cập

khá rõ nét các tư tưởng, niềm tin, nhu cầu và khát vọng về công lý của con người thời cổ đại. Ngoài ra, nhiều văn bản pháp luật cổ khác cũng từng đề cập đến nhân quyền như Bộ luật của vua Cyrus Đại đế - người sáng lập ra nước Iran - ban hành vào khoảng năm 576 - 529 trước Công nguyên ghi nhận các quyền về tự do tôn giáo, bình đẳng về chủng tộc, thả tự do cho các nô lệ.

Đến khi chế độ La Mã sụp đổ vào khoảng thế kỷ thứ V, châu Âu trải qua thời kỳ Trung Cổ đen tối, mọi sự phát triển trong xã hội đều bị hạn chế. Quyền con người cũng bị bóp nghẹt dưới sự cai trị của vương quyền phong kiến và thần quyền của nhà thờ Thiên Chúa giáo. Dưới thời phong kiến, lý thuyết về tự do thống trị xã hội là lý thuyết hoàn toàn duy tâm và có tính chất thần học. Tuy nhiên, chính sự thống trị duy tâm và tàn bạo của chế độ thống trị là động lực thúc đẩy cho sự ra đời của các văn kiện pháp lý nổi tiếng về quyền con người ở cuối thời kỳ này mà Đại Hiến chương Magna Carta được vua John (nước Anh) ban hành năm 1215 là điểm sáng tiêu biểu. Hiến chương đã ghi nhận một số quyền con người như quyền sở hữu, quyền tự do buôn bán, quyền được xét xử đúng đắn và được bình đẳng trước pháp luật. Đặc biệt, đây được xem là văn bản pháp luật đầu tiên hình thành quan niệm về giới hạn quyền lực nhà nước để bảo vệ quyền công dân thông qua quy phạm habeas corpus (luật bảo thân) và due process of law (luật tôn trọng các quyền hợp pháp của công dân). Tiếp theo đó, thời kỳ Phục Hưng ở châu Âu được đánh giá là “buổi bình minh của nhân quyền” bởi sự phát triển mạnh mẽ và rộng rãi của các tư tưởng, học thuyết về quyền con người. Thế kỷ XVII - XVIII, hàng loạt những khảo luận, bài nói lý giải những khía cạnh lý luận cơ bản của quyền con người, trong đó phải kể đến hai trường phái học thuyết quyền tự nhiên và quyền pháp lý [3, tr. 39-41]. Những tư tưởng triết học về nhân quyền ở châu Âu của các học giả như Thomas Hobbes, John Locke, Montesquieu, John Stuart Mill, ... sau này có sự chi phối nhất định đến quá trình đấu tranh cách mạng và tư tưởng lập pháp về quyền con người không chỉ ở các quốc gia của châu lục này mà còn trên toàn thế giới.

Phong trào khai sáng ở châu Âu từ giai đoạn trước đã góp phần tạo ra động lực mạnh mẽ đến các cuộc cách mạng tư sản vào cuối thế kỷ XX

dẫn đến sự nổi lên của chủ nghĩa tự do, hình thành nền dân chủ hiện đại và chủ nghĩa tư bản. Cuộc cách mạng được xem là ngòi nổ cho giai đoạn này chính là việc mười ba thuộc địa Bắc Mỹ đấu tranh và tuyên bố giành độc lập trước thực dân Anh vào năm 1776; đồng thời, Tuyên ngôn độc lập Hoa Kỳ đã long trọng tuyên bố: “Tất cả mọi người sinh ra đều bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được, trong những quyền đó có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”. Cũng trong giai đoạn này, nhân dân Pháp đã nổi dậy lật đổ chế độ phong kiến vào năm 1789, đánh dấu một bước ngoặt lớn trong tiến trình xây dựng dân chủ trên thế giới. Bản Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của cách mạng Pháp đã thể hiện sự vận động, phát triển mạnh mẽ của tư tưởng nhân quyền từ những thời đại trước. Điều 1 của Tuyên ngôn khẳng định: “Con người sinh ra được tự do và bình đẳng về quyền lợi, và phải luôn được tự do, bình đẳng về quyền lợi”.

Hậu quả tàn khốc của thế chiến thứ hai được cho là cú hích lịch sử quyết định đến sự ra đời của luật nhân quyền quốc tế khi mà cả nhân loại chứng kiến sự tàn bạo, dã man của chiến tranh. Hơn bao giờ hết, toàn cầu đang mong chờ một tổ chức quốc tế mang sứ mệnh giữ gìn hòa bình trên toàn thế giới, thúc đẩy và bảo vệ quyền con người ở cấp độ cao hơn. Ngày 25/4/1945, đại diện của 50 quốc gia trên thế giới tập hợp tại San Francisco (Hoa Kỳ) để thành lập tổ chức Liên Hiệp quốc, đồng thời thông qua Hiến chương vào ngày 24/10/1945 đánh dấu thêm một trang mới cho sự phát triển của nhân quyền quốc tế. Cùng với Hiến chương, Tuyên ngôn quốc tế về quyền con người năm 1948 cũng như hai Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị và kinh tế, xã hội, văn hóa năm 1966 đã chính thức khai sinh ra luật nhân quyền quốc tế, đặt nền móng cho việc tạo dựng nền văn hóa quyền con người trên bình diện quốc tế.

Như vậy, trải qua một chặng dài của những thăng trầm lịch sử, quyền con người vẫn luôn là những giá trị cao đẹp, kết tinh từ các hạt ngọc quý của mọi nền văn hóa yêu hòa bình và tiến bộ trên thế giới. Qua quá trình phân tích, sàng lọc những sự kiện, văn kiện được xem là một số cột mốc quan trọng của sự phát triển tư tưởng, học thuyết, quan niệm về quyền con người trên thế giới đã cho chúng

ta thấy một bức tranh đa diện, đa sắc về nhân quyền; tuy có những mảng màu sáng tối khác nhau nhưng nhìn chung, nổi bật và trong sáng nhất chính là giá trị cốt lõi của nhân quyền: Tất cả các quyền con người dành cho tất cả mọi người.

2.2. Bảo đảm pháp lý cho việc thực hiện quyền con người

Nửa cuối thế kỷ XX - đầu thế kỷ XXI, nhân loại đang đứng trước những vấn đề cấp bách mang tính toàn cầu như bảo vệ hòa bình và phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên, đấu tranh chống đói nghèo và lạc hậu, chống khủng bố và nguy cơ chiến tranh hạt nhân... Tất cả những vấn đề trên, suy cho cùng, đều gắn liền với quyền con người, bởi lẽ việc giải quyết chúng là điều kiện thiết yếu đảm bảo đời sống bình thường cho mỗi cá nhân. Trong giáo trình nhân quyền (Droit de L'Homme), J. Mourgont đã từng viết rằng tầm vóc vĩ đại của cách mạng chính là ở chỗ đã vượt qua sự nhìn nhận quyền công dân để vươn tới nhận biết giá trị cao quý của quyền con người; rằng dưới góc độ quan hệ nhà nước với công dân thì con người liên hệ với nhà nước bằng hệ thống quyền và nghĩa vụ, còn dưới góc độ quyền con người thì nhà nước và xã hội cần có trách nhiệm quan tâm đến từng thành viên xã hội, từng con người, kể cả con người “đang ở dưới đáy xã hội” [17, tr. 37].

Khi nghiên cứu về quyền con người nói chung và quyền công dân nói riêng cho thấy, nếu như chỉ được ghi nhận trong pháp luật quốc gia đó mới là sự tồn tại quyền ở dạng tiềm năng, vì thế để các quyền này được thực thi và đi vào đời sống một cách hữu hiệu thì cần đến một hệ thống bảo đảm. Bởi lẽ, việc thực hiện quyền và bảo vệ quyền trên thực tế sẽ gặp phải không ít những chướng ngại mang tính chủ quan lẫn khách quan. Trong khoa học pháp lý, hệ thống bảo đảm thực hiện quyền và nghĩa vụ được phân chia thành hai loại:

Một là, các bảo đảm chung, về bản chất các bảo đảm này không mang tính pháp lý nhưng lại có những ảnh hưởng nhất định đối với việc đảm bảo quyền con người, quyền công dân như: bảo đảm chính trị (thông qua các thiết chế đảng cầm quyền, nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội...), bảo đảm kinh tế (thông qua các quan hệ kinh tế, lợi ích kinh tế, cơ cấu kinh tế...), bảo đảm xã hội (thông qua quan hệ giữa các giai tầng trong xã hội),

đảm bảo tư tưởng (thông qua hệ thống quan điểm, quan niệm, tư tưởng, tập quán, truyền thống quốc gia về quyền con người, quyền công dân trong xã hội). Nhìn chung, các bảo đảm này tạo môi trường cần thiết và mang tính nền tảng cho sự vận hành của loại đảm bảo thứ hai.

Hai là, mặc dù để bảo đảm thực hiện quyền con người phụ thuộc vào nhiều yếu tố kể trên nhưng nhân tố có sự ảnh hưởng trực tiếp đến việc hiện thực hóa các quyền tự do của con người lại là những đảm bảo về mặt pháp lý (thông qua các quy định về trình tự, thủ tục, chế tài...). Bảo đảm pháp lý được xây dựng dựa vào nền tảng của các điều kiện kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của một quốc gia, một dân tộc; ngược lại, các yếu tố kinh tế, chính trị khi ổn định sẽ góp phần tạo dựng một trật tự pháp lý, một môi trường pháp luật hay ở mức độ cao hơn là xây dựng được một nền văn hóa pháp lý mang nét đặc trưng của một đất nước, một khu vực, một cộng đồng...

Các bảo đảm pháp lý quyền con người được ghi nhận ở nhiều cấp độ khác nhau. Ở bình diện quốc tế, Tuyên ngôn thế giới về quyền con người được Đại hội đồng Liên Hiệp quốc thông qua vào ngày 10/12/1948 (UDHR) được xem là cam kết pháp lý cao nhất đối với quyền con người thông qua việc xác lập nguyên tắc bình đẳng về quyền, quy định các quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa của mọi người. Điều 1 UDHR khẳng định: “Tất cả mọi người sinh ra đều được tự do và bình đẳng về nhân phẩm và các quyền” [9]. Sự ra đời của UDHR đã chính thức xây dựng được chuẩn mực tối thiểu và chung nhất về các nguyên tắc mang giá trị phổ biến của quyền con người [7, tr. 5]. Ở bình diện khu vực, Điều 2 Hiến chương Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á khẳng định nguyên tắc: “Tôn trọng các quyền tự do cơ bản, thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền, công bằng xã hội” [1]. Đây là một văn kiện có tầm ảnh hưởng lớn đến hoạt động bảo vệ và thúc đẩy quyền con người trong khu vực.

Ở phạm vi quốc gia, Hiến pháp Việt Nam năm 2013 [12] chính là sự ghi nhận các đảm bảo pháp lý đối với quyền con người một cách hệ thống và có giá trị pháp lý tối cao. Đây chính là cơ sở quan trọng để cụ thể hóa quyền con người trong các quy định của từng ngành luật cụ thể. Chẳng hạn, quyền sống, quyền bất khả xâm phạm về thân thể,

sức khỏe, danh dự và nhân phẩm trong hiến pháp (Điều 19, 20) được cụ thể hóa trong Bộ luật Dân sự năm 2015 tại các Điều 33 và 34 [13] hay quyền được biểu quyết khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân (Điều 29) được Luật Trưng cầu ý dân năm 2015 [15] thể hiện thành các nguyên tắc, trình tự, thủ tục cụ thể...

Khi nghiên cứu về bảo đảm pháp lý quyền con người dưới bình diện pháp luật quốc gia, có thể chia thành hai cấp độ, bao gồm cấp độ khái quát và cấp độ cụ thể:

Ở cấp độ khái quát, đảm bảo pháp lý thực hiện quyền con người được xây dựng dựa trên tư tưởng về hình thái chính trị, pháp lý của giai cấp thống trị trong xã hội, đặc biệt phải kể đến tư tưởng vì con người, giải phóng con người... Chẳng hạn, trong thời kỳ phong kiến, thuyết “tam tông, tứ đức” trong Nho giáo đã có ảnh hưởng sâu sắc đến vai trò, vị trí và cuộc sống của người phụ nữ trong gia đình cũng như xã hội. Cùng với đó, tư tưởng “trọng nam, khinh nữ”, quan niệm “nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô” đã làm mất đi sự tự do, bình đẳng, tiếng nói và khát vọng vươn lên của người phụ nữ. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã mở ra bước ngoặt lớn, đưa dân tộc Việt Nam bước sang kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Nhân dân Việt Nam nói chung và người phụ nữ nói riêng từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của mình. Hiến pháp Việt Nam năm 1960 đã trình trọng khẳng định tại Điều thứ 9: “Đàn bà ngang quyền với đàn ông về mọi phương diện” đã cho thấy sự thay đổi trong tư duy, nhận thức của giai cấp cầm quyền có ảnh hưởng sâu sắc đến quá trình ghi nhận các đảm bảo pháp lý đối với quyền con người.

Với cấp độ cụ thể, đảm bảo pháp lý thực hiện quyền con người bao gồm nhiều hoạt động góp phần đưa quyền con người được thực thi trên phạm vi quốc gia, có thể kể đến hoạt động xây dựng pháp luật, tổ chức thực hiện pháp luật và bảo vệ pháp luật; tổ chức xây dựng và thực hiện những chính sách đối với nhóm người yếu thế trong xã hội như phụ nữ, trẻ em, người khuyết tật, người đồng tính, người chuyển đổi giới tính; ý thức pháp luật của xã hội trong việc tôn trọng và bảo vệ các quyền con người... Trong xã hội hiện đại, quyền con người đã

mở rộng trên nhiều lĩnh vực và có những lưu tâm đáng kể đối với quyền của một nhóm người đặc thù trong xã hội. Đối với nhóm người đồng tính, người chuyển đổi giới tính, pháp luật Việt Nam đã có những bước tiến đáng kể trong việc ghi nhận và bảo vệ quyền. Cụ thể, khoản 4 Điều 18 Luật Thi hành tạm giam, tạm giữ năm 2015 nêu rõ: “Người bị tạm giữ, người bị tạm giam sau đây có thể được bố trí giam giữ ở buồng riêng: a) Người đồng tính, người chuyển giới...” [14].

Mặc dù được phân định thành hai cấp độ như đã phân tích nhưng chúng không hoàn toàn tách rời nhau mà ngược lại, góp phần bổ sung, hoàn thiện nhau để tạo thành một hệ thống đảm bảo pháp lý cho việc thực hiện quyền. Như vậy, có thể thấy, bảo đảm pháp lý thực hiện quyền con người là điều kiện, môi trường pháp lý thuận lợi do pháp luật tạo ra dựa trên nền tảng là hệ tư tưởng chính trị - pháp lý của mỗi quốc gia để từng cá nhân thực sự hưởng được các quyền và sử dụng các quyền đầy một cách đúng đắn. Bảo đảm pháp lý có nội hàm rất rộng, nội dung của nó bao quát gần như toàn bộ đời sống pháp luật trong nhà nước và xã hội. Trong đó, không chỉ bao gồm các yếu tố như quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ, trình tự và thủ tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ đó... mà còn phải bổ sung thêm nhiều thành tố cấu thành khác như tư tưởng chính trị, pháp lý, cách thức tổ chức bộ máy nhà nước, hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giải thích, giáo dục pháp luật,... [6, tr. 25]. Từ đây, có thể định nghĩa một cách khái quát, “bảo đảm pháp lý thực hiện quyền con người là toàn bộ những tiền đề, điều kiện thuận lợi về tư tưởng chính trị - pháp lý, pháp luật thực định, tổ chức và hoạt động thực tiễn của bộ máy nhà nước nói chung, của cơ quan nhà nước chuyên trách các vấn đề liên quan đến nhân quyền nói riêng, nhằm bảo đảm cho mỗi cá nhân được hưởng các quyền con người một cách thực sự và sử dụng các quyền đó một cách đúng đắn”.

2.3. Những đặc trưng cơ bản của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Nhà nước pháp quyền là một trong những giá trị quý báu và thành quả đấu tranh lâu dài của nhân loại, là xu thế của thế giới đương đại. Tư tưởng về nhà nước pháp quyền đã xuất hiện ngay từ thời cổ đại vì mục tiêu xác lập những cách thức cầm quyền tốt cho người dân cũng như chống sự lạm quyền, vi

phạm các lợi ích hợp pháp của công dân, chống lại những thế lực đen tối xem thường phẩm giá, sự tự do, dân chủ và bình đẳng của con người [18, tr. 7-8].

Ở phương Đông, những quan điểm khởi nguyên về nhà nước pháp quyền được thể hiện trong tư tưởng chính trị - pháp lý khá đa dạng và phong phú ở thời kỳ cổ đại, được ghi nhận trong hệ thống các quan điểm, cách thức trị nước an dân. Đặc biệt, trường phái Pháp gia với những đại biểu như Quản Trọng, Thương Ưởng, Hàn Phi Tử đã xây dựng nhiều quan điểm về vai trò của pháp luật trong quản lý xã hội. Ví dụ, Hàn Phi Tử xem pháp là chuẩn mực cao nhất của việc cai trị đất nước, quản lý xã hội, thời thế thay đổi thì pháp luật cũng phải thay đổi. Thường phạt phân minh phải trên cơ sở pháp luật, nhà vua mặc dù được quan niệm là Thiên tử (con trời) cũng phải phục tùng theo pháp luật. Phái pháp gia kêu gọi “đập tắt văn chương đi và làm sáng tỏ pháp độ lên, lấp hết đường lợi riêng và chuyên vào việc chung”. Ở phương Tây, mầm mống tư tưởng pháp quyền lúc bấy giờ là chống lại thuyết “đặc miễn trách nhiệm của nhà vua”, chống lại sự chuyên quyền, độc đoán thông qua tư tưởng của các đại diện như Solon, Heraclite, Socrate hay Platon...

Trải qua thời kỳ trung đại đầy biến cố và thăng trầm do sự thống trị của thần học, tư tưởng về nhà nước pháp quyền thực sự có bước phát triển mới với kết quả thắng lợi của cuộc cách mạng dân chủ tư sản, nhằm chống lại chế độ phong kiến chuyên chế, độc tài. Các quan điểm về nhà nước pháp quyền thời kỳ cổ đại bắt đầu được khôi phục, nâng cao và phát triển thành một trào lưu tư tưởng, một học thuyết chính trị pháp lý và triết học trong thời kỳ cách mạng tư sản. Xuyên suốt thời kỳ cận đại, học thuyết nhà nước pháp quyền tiếp tục được bổ sung, hoàn thiện qua các giai đoạn lịch sử khác nhau mà nội dung cơ bản nhất là mối quan hệ giữa nhà nước - pháp luật - công dân, trong đó pháp luật giữ vị trí trung tâm chi phối nhà nước và công dân.

Ngày nay, học thuyết về nhà nước pháp quyền tiếp tục được nhiều quốc gia trên thế giới kế thừa, bổ sung và phát triển phù hợp với màu sắc chính trị, đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội ở từng đất nước. Nội hàm của khái niệm nhà nước pháp quyền khá rộng và được nghiên cứu, đánh giá dưới nhiều bình

diện khác nhau, do vậy có nhiều định nghĩa về nhà nước pháp quyền cũng như đặc trưng của nó là điều không khó hiểu. Tuy nhiên, trong một chừng mực nào đó, đại đa số nhà nghiên cứu đều thống nhất một số tiêu chí sau về nhà nước pháp quyền, đó là:

(i) Nhà nước pháp quyền không phải là một kiểu nhà nước gắn liền với một giai cấp nhất định trong lịch sử, mà đó là một hiện tượng chính trị - pháp lý, là cách thức tổ chức và vận hành quyền lực chính trị, bảo đảm cho mọi tổ chức, hoạt động của nhà nước đều tuân theo quy định của pháp luật, thực hiện quản lý xã hội theo pháp luật.

(ii) Trong nhà nước pháp quyền, pháp luật do nhà nước đặt ra nhưng nhà nước cũng phải chịu sự điều chỉnh của pháp luật, trong trường hợp này pháp luật phải thực sự trở thành công cụ để kiểm soát và giới hạn quyền lực nhà nước.

(iii) Nhà nước pháp quyền là nhà nước xây dựng được một hệ thống pháp luật hoàn thiện, kịp thời phản ánh được xu thế vận động và phát triển của đời sống, phù hợp với lẽ công bằng, nhân đạo và thể hiện được những phẩm giá cao quý của con người, có các biện pháp nhằm đảm bảo về mọi mặt đối với các quyền con người, quyền công dân [8, tr. 59].

Như vậy, có thể thấy rằng việc xây dựng nhà nước pháp quyền có mối quan hệ mật thiết với đảm bảo pháp lý cho việc thực hiện quyền con người nói chung và quyền công dân nói riêng. Nhà nước pháp quyền với hệ thống pháp luật hoàn thiện và cơ chế thực thi pháp luật phù hợp là điều kiện tiên đề để hiện thực hóa quyền con người. Ngược lại, quyền và tự do dân chủ của con người được mở rộng, đời sống trật tự và an toàn xã hội được ổn định chính là nền tảng của một nhà nước phát triển, thịnh vượng trong tương lai.

2.4. Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam gắn liền với đảm bảo pháp lý quyền con người

Ở Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh là người khởi xướng những quan điểm về Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân. Ngay từ năm 1919, trong “Bản yêu sách của Nhân dân An Nam” gửi Hội nghị Versailles, Người đã yêu cầu phải cải cách nền pháp lý ở Đông Dương, “thay chế độ ra các sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật”. Cùng với nội dung quan trọng trên, trong bản yêu sách này

Nguyễn Ái Quốc còn nhắc đến một số quyền tự do cơ bản như: tự do báo chí và tự do ngôn luận; tự do lập hội và hội họp; tự do cư trú ở nước ngoài và tự do xuất dương; tự do học tập... Những điều này đã cho thấy ở Hồ Chí Minh đã hình thành một quan điểm hoàn chỉnh về đòi hỏi quản lý xã hội bằng công cụ pháp luật và đảm bảo được các quyền tự do, dân chủ cho nhân dân trong một nhà nước thượng tôn pháp luật.

Đến khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, Nhà nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa ra đời thì những ý tưởng về xây dựng nhà nước pháp quyền từng bước được hiện thực hóa. Ngày 03/9/1945, Chính phủ lâm thời đã họp phiên đầu tiên, thảo luận và đề ra sáu vấn đề cấp bách của cách mạng Việt Nam lúc bấy giờ. Một trong số đó là tổ chức sớm cuộc tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu, soạn thảo Hiến pháp dân chủ. Người nhận định: “Trước chúng ta đã bị chế độ quân chủ chuyên chế cai trị, rồi đến chế độ thực dân không kém phần chuyên chế, nên nước ta không có hiến pháp. Nhân dân ta không được hưởng quyền tự do dân chủ. Chúng ta phải có một hiến pháp dân chủ”. Sau khi cuộc Tổng tuyển cử tự do được diễn ra, Chính phủ liên hiệp kháng chiến được thành lập, tại Kỳ họp thứ hai (ngày 09/11/1946), Quốc hội đã biểu quyết thông qua Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa. Trong hoàn cảnh lịch sử đầy khó khăn và khắc nghiệt, quan hệ mật - còn của chính quyền nhân dân non trẻ, giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm tấn công từ mọi phía, Hiến pháp năm 1946 đã trở thành một công cụ đặc biệt quan trọng và có hiệu lực nhằm bảo vệ nền độc lập dân tộc, bảo vệ chính quyền cách mạng cũng như thực hiện quyền lực nhân dân, là cơ sở vững chắc nhằm ghi nhận và thực hiện quyền con người, quyền công dân ở một quốc gia độc lập. Mặc dù bản Hiến pháp chỉ có 70 điều nhưng đã dành cho việc quy định quyền và nghĩa vụ của công dân đến 18 điều (từ Điều thứ 4 đến Điều thứ 21), tức là chiếm hơn một phần tư số điều trong văn bản có giá trị pháp lý cao nhất này. Lần đầu tiên sau những biến cố lịch sử, người dân Việt Nam mới có thể đồng thanh khẳng định: “Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo”. (Điều 1).

Đặc biệt, vào năm 1994, tại Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII, lần đầu tiên Đảng ta chính thức sử dụng thuật ngữ “nhà nước pháp quyền”. Trong văn kiện của Hội nghị này có đề ra nhiệm vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân như sau: “Tiếp tục xây dựng và từng bước hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam. Đó là Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, quản lý mọi mặt đời sống xã hội bằng pháp luật, đưa đất nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa” [4]. Cùng với việc ghi nhận về quan điểm tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền, văn kiện cũng đã nhấn mạnh đến việc thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ của nhân dân là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu và cũng là bản chất tốt đẹp của nhà nước ta, bảo vệ quyền con người, các quyền cơ bản của công dân đã ghi trong Hiến pháp như quyền sở hữu, quyền sử dụng tư liệu sản xuất, quyền tự do kinh doanh hợp pháp; quyền được tự do thảo luận, tranh luận, phát biểu các ý kiến nhằm xây dựng đất nước...

Trải qua những bước phát triển nhất định ở các kỳ đại hội Đảng trước đó, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (2016), Đảng ta đã có những bổ sung, phát triển lý luận, làm sâu sắc thêm những quan điểm về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong các văn kiện trước đó, đáp ứng đòi hỏi của tình hình thực tiễn đất nước thời kỳ mới. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã xác định phương hướng, nhiệm vụ thời gian tới là cùng với việc tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị thì cần phải đẩy mạnh công tác bảo vệ pháp luật, công lý, quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân [5].

Như vậy, có thể nhận thấy, việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tiến hành song song, đồng thời cùng với việc kiến tạo một hệ thống đảm bảo pháp lý cho việc thực hiện quyền con người ở nước ta. Điều này cho thấy, xây dựng Nhà nước pháp quyền là điều kiện cần thiết, mang tính nền tảng để góp phần thúc đẩy việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp

của con người, của công dân. Trong thế giới luôn vận động và biến đổi không ngừng như hiện nay, tình hình trong nước và quốc tế vừa có những cơ hội nhưng cũng không phải không có thách thức, do đó, việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam gắn với đảm bảo pháp lý cho thực hiện quyền con người thiết nghĩ cần được tiến hành đồng bộ một số giải pháp sau:

Một là, xây dựng hoàn thiện cơ sở pháp lý đảm bảo quyền con người. Dựa trên nền tảng Hiến pháp năm 2013, văn kiện pháp lý có giá trị tối cao trong hệ thống pháp luật, các cơ quan có thẩm quyền cần tiếp tục đẩy mạnh xây dựng ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để cụ thể hóa các quy định trong Hiến pháp về các quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Đồng thời, tiến hành rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế, xã hội của đất nước. Trong những năm qua, để thi hành Hiến pháp năm 2013, hàng loạt các Luật, Bộ luật được rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới nhằm cụ thể hóa các quy định về quyền con người trong hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội như: Luật Đất đai năm 2013, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Bộ luật Dân sự năm 2015, Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Luật Trưng cầu ý dân năm 2015, Luật Trẻ em năm 2016, Luật Tiếp cận thông tin năm 2016, Luật Báo chí năm 2016... Thời gian tới, các nhà lập pháp cần tiếp tục nghiên cứu, ban hành các văn bản quy định cụ thể hơn về quyền con người đã được ghi nhận như quyền biểu tình, quyền của người chuyển đổi giới tính (chỉ mới được ghi nhận tại Điều 37 Bộ luật Dân sự năm 2015 nhưng chưa có hướng dẫn cụ thể)...

Hai là, cần tiếp tục tuyên truyền, giáo dục pháp luật đến mọi tầng lớp nhân dân bằng các hình thức đa dạng, phong phú và thu hút. Mặc dù chúng ta đã có một hệ thống pháp luật về quyền con người nhưng nếu như các quy định ấy không đi vào cuộc sống, hay nói cách khác, người dân không có thái độ và kỹ năng để xây dựng một xã hội mà trong đó mọi người đều có được hiểu biết nhất định và vận dụng thành thạo những tiêu chuẩn luật pháp về nhân quyền thì pháp luật cũng chỉ là những con chữ vô nghĩa. Đặc biệt, cần phải quán triệt và hiện thực hóa hai nguyên tắc pháp luật cơ

bản về đảm bảo quyền con người, đó là (i) cá nhân được làm tất cả trừ những điều pháp luật cấm và (ii) cơ quan, cán bộ nhà nước chỉ được làm những gì pháp luật cho phép.

Ba là, xây dựng và thực hiện các chính sách phù hợp đối với nhóm người yếu thế trong xã hội. Mục tiêu xây dựng nhà nước pháp quyền chính là tạo dựng một tổ chức nhà nước có trách nhiệm tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm các phẩm giá cao quý của con người. Do vậy, đối với những nhóm người yếu thế trong xã hội như phụ nữ, trẻ em, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người đồng tính và chuyên giới... họ cần có những sự hỗ trợ, quan tâm đặc biệt hơn để có điều kiện phát triển với những người khác trong xã hội.

Bốn là, cần phải từng bước hình thành cơ quan nhân quyền quốc gia. Bảo vệ, phát triển nhân quyền là một yêu cầu khách quan để đảm bảo sự tồn tại và phát triển toàn diện của con người. Và để làm được điều đó cần phải có một cơ quan với chức năng và nhiệm vụ thống nhất, toàn diện đảm đương. Với chức năng và nhiệm vụ do luật định, cơ quan nhân quyền quốc gia sẽ là một thiết chế hữu ích giúp nhà nước giải quyết được những khó khăn, vướng mắc thông qua việc tư vấn, trợ giúp độc lập, khách quan các vấn đề liên quan đến nhân quyền.

3. Kết luận

Trong công cuộc đổi mới đất nước với mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, bên cạnh nhu cầu giữ vững ổn định chính trị trong nước, tập trung các nguồn tiềm lực để phát triển kinh tế - xã hội thì vấn đề nâng cao, bảo đảm

và phát huy giá trị các quyền con người thiết nghĩ là một trong những nội dung trọng tâm và cần thiết mà Đảng và Nhà nước cần thực hiện. Trong đó, cần có những chính sách thiết thực nhằm cải thiện đời sống nhân dân trên tất cả các mặt, đặc biệt là đồng bào ở vùng kinh tế khó khăn, biên cương và hải đảo xa xôi; ngoài ra, nghiên cứu và hoàn thiện vấn đề đảm bảo pháp lý về quyền con người thông qua hệ thống pháp luật quốc gia cũng được xem là hoạt động cần hướng đến trong các năm tiếp theo để mọi người có thể thụ hưởng quyền của mình một cách hợp lý và hợp pháp. Tác giả cho rằng, để quyền con người thực sự là quyền của mọi người, cần phải có sự vận hành đồng bộ của hệ thống cơ quan nhà nước, các tổ chức và cá nhân trong xã hội. Trong đó, nhấn mạnh đến việc tiếp tục hoàn thiện và luật hóa các quyền hiến định về con người đã được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013 trên cơ sở kế thừa, phát triển những quy định hiện hành. Song song đó, xây dựng và phát huy được vai trò chủ động, tích cực của các cơ quan nhà nước; thiết lập một nền hành chính tinh gọn, tận tụy phục vụ vì lợi ích của nhân dân; tiếp tục hoàn thiện tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp trong thời gian sắp tới để hạn chế đến mức thấp nhất những vụ án oan, sai ảnh hưởng đến quyền và tự do của mọi người. Qua những phân tích, đánh giá về đảm bảo pháp lý thực hiện quyền con người trong nhiều năm qua cũng như đưa ra một số đề xuất cần thiết cho vấn đề này, tác giả hy vọng rằng trong tương lai “quyền con người thực sự là nền tảng cho sự hiện hữu và đồng tồn của nhân loại” (Kofi-Annan)/.

Tài liệu tham khảo

- [1]. ASEAN (2007), *Hiến chương Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á*.
- [2]. Nguyễn Đăng Dung, Vũ Công Giao, Lê Khánh Tùng, Đặng Minh Tuấn, Nguyễn Minh Tuấn (2013), *ABC về Hiến pháp (83 câu Hỏi - Đáp)*, NXB Tri Thức, Hà Nội.
- [3]. Nguyễn Đăng Dung, Vũ Công Giao, Lê Khánh Tùng (Đồng chủ biên) (2011), *Giáo trình Lý luận và pháp luật về quyền con người*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [4]. Đảng Cộng sản Việt Nam (1994), *Văn kiện Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII*.
- [5]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*.
- [6]. Nguyễn Văn Động (2004), “Các quyền hiến định của công dân và bảo đảm pháp lý ở nước ta”, *Luật học*, số 1, tr. 23-26.
- [7]. Tường Duy Kiên, “Nền tảng thúc đẩy, bảo vệ quyền con người”, *Nhân quyền Việt Nam*, số 12, 2018, tr. 5.
- [8]. Vũ Trọng Lâm (2017), *Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam (Sách chuyên khảo)*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

- [9]. Liên Hợp quốc (1948), *Tuyên ngôn thế giới về quyền con người*.
- [10]. OHCHR (2000), *A Basic Handbook for UN Staff*, New York and Geneva.
- [11]. OHCHR (2006), *Human Rights Training - A manual on Human Rights Training Methodology* (Professional Training Series No.6), New York and Geneva.
- [12]. Quốc hội (2013), *Hiến pháp Việt Nam*.
- [13]. Quốc hội (2015), *Bộ luật Dân sự*.
- [14]. Quốc hội (2015), *Luật Thi hành tạm giam, tạm giữ*.
- [15]. Quốc hội (2015), *Luật Trưng cầu ý dân*.
- [16]. Hoàng Thị Kim Quế (2012), “Quyền con người, đạo đức và pháp luật”, *Nhà nước và pháp luật*, số 3, tr. 19-24.
- [17]. Chu Hồng Thanh (2012), “Hiến pháp với việc xác lập, bảo đảm quyền con người, quyền công dân”, *Luật học*, số 1, tr. 36-39.
- [18]. Đào Trí Úc, Trương Thị Hồng Hà (Đồng chủ biên) (2018), *Hoàn thiện hệ thống pháp luật đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

LEGALLY PROTECTING HUMAN RIGHTS IN THE LEGAL STATE OF VIET NAM SOCIALIST REPUBLIC

Summary

The paper focuses on analyzing theoretical issues related to human rights, legal protection of human rights as well as establishing the legal state in Vietnam Socialist Republic. Thereby, it points out relationships in establishing the legal state and legally protecting for human rights implementation, and makes relevant recommendations.

Keywords: Human rights, legal state, legal protection.

Ngày nhận bài: 26/11/2018; Ngày nhận lại: 14/3/2019; Ngày duyệt đăng: 28/3/2019.